**PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HUYỆN TRÀNG ĐỊNH**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc - hiểu** | Văn bản thơ (Thơ Đường luật, thơ sáu chữ, bảy chữ) | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Văn nghị luận (về một vấn đề đời sống) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***10*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30 %** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản thơ**  (Thơ Đườngluật, thơ sáu chữ, bảy chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ.  - Nhận biết được cách gieo vần.  - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, nhịp điệu, phương thức biểu đạt chính trong bài thơ.  - Nhận biết được đề tài trong bài thơ.  - Chỉ ra được từ tượng hình, từ tượng thanh, từ Hán Việt, thành ngữ; Xác định thông tin được nêu trong ngữ liệu.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Hiểu được nội dung chính của văn bản.  - Hiểu được giá trị biểu đạt, tác dụng của từ ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ, từ Hán Việt, … được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.  - Rút ra được thông điệp từ văn bản....  - Liên hệ được nội dung nêu trong ngữ liệu với những vấn đề của xã hội đương đại. | 4 TN | 2TL | 2TL |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống** | **Nhận biết**:   * Xác định được kiểu bài: văn nghị luận xã hội về một vấn đề đời sống * - Xác định được nội dung nghị luận.   **Thông hiểu**:   * - Giải thích được từ ngữ, ý kiến cần bàn luận * Lập được hệ thống luận điểm hợp lí, làm sáng tỏ luận đề. * Sử dụng được bằng chứng, lí lẽ để làm sáng tỏ luận điểm.   **Vận dụng**:   * Viết hoàn chỉnh bài văn nghị luận; lời văn mạch lạc, liên kết. * - Nêu được bài học cho bản thân.   **Vận dụng cao**:   * Liên hệ được vấn đề nghị luận với tình hình đời sống xã hội hiện đại. * Trình bày được suy nghĩ, ý kiến riêng của bản thân mang tính phát hiện. * - Có sáng tạo trong lập luận, lời văn nghị luận giàu hình ảnh, cảm xúc. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **2TL** | **2 TL** | **1 TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

***Lưu ý*** :

(1\*): Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong đáp án và hướng dẫn chấm.